

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ V  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**  
Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 07-8-2020  
V/v Tranh chấp ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V,  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Thường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hải  
Ông Nguyễn Văn Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 424/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Thái H, sinh năm 1966

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: 315 đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1972

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: 780/3B đường N, phường An Hòa, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ liên hệ: 315 đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thái H trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Bích P chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 2000. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu ông và bà P chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm sau (đến năm 2003) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, không hiểu ý nhau, không có sự thông cảm và tôn trọng nhau, ông và bà P không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng có cãi vã nhau nhiều lần. Ông và bà P đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Ông và bà P đã sống ly thân từ năm 2003 cho đến nay, mỗi người một chỗ ở riêng.

Nay, nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Về ly hôn: Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích P.
2. Về con chung: Ông và bà P không có con chung.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc đi biển nên ông H đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt.

*Bị đơn – bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:*

Bà và ông Trần Thái H chung sống với nhau và đăng ký kết vào năm 2000 tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hai bên có tổ chức đám cưới và được gia đình đồng ý. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ông chung sống hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà P xác nhận việc mâu thuẫn giữa bà và ông H là có thật. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên hay cãi nhau không hòa thuận với nhau. Hiện nay bà và ông H đã sống ly thân nhau từ lâu, mỗi người một nơi. Đối với các yêu cầu khởi kiện của ông H, bà có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà P đồng ý ly hôn với ông H.
2. Về con chung: Bà P và ông H không có con chung.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu giải quyết.

Tuy nhiên do điều kiện ở xa, phải đi đi về về nên bà làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết vụ án và xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử vụ án ly hôn giữa bà và ông H.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Trần Thái H yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích P có địa chỉ cư trú tại thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên bà P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố V (Tòa án địa phương nơi ông H cư trú) giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 28; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và bị đơn đã có bản tự khai, cả nguyên đơn và bị đơn đều có Đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Ông Trần Thái H và bà Nguyễn Thị Bích P tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà P thì thấy: Theo ông H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau, không

hiểu ý nhau, không có sự thông cảm và tôn trọng nhau. Ông và bà P chung sống với nhau không hạnh phúc, vợ chồng cãi vã nhau nhiều lần. Từ năm 2003 cho đến nay ông và bà P đã sống ly thân, mỗi người một chỗ ở riêng.

Bà P cho rằng mâu thuẫn giữa bà và ông H là có thật, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, không còn thương yêu nhau như trước nữa. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Bà và ông H sống ly thân nhau đã lâu, mỗi người một chỗ ở riêng.

Tại phiên tòa, ông H và bà P đều có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy, mâu thuẫn xảy ra trong quan hệ vợ chồng giữa ông H và bà P là có thật, vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Từ năm 2003 cho đến nay, ông H và bà P đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Do vậy, mâu thuẫn hôn nhân là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H là phù hợp.

Về con chung: Ông H và bà P cùng xác nhận không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thái H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thái H đối với bà Nguyễn Thị Bích P.

1. Về hôn nhân: Ông Trần Thái H ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích P.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Trần Thái H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001790 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V. Ông H đã nộp xong.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND Tp.V;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Tp.V;
- Các đương sự;
- UBND Phường 5, Tp.V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trịnh Thị Thường**